

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày 13-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1956 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương;

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông và ông H có quan hệ họ hàng. Ông có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ từ nhiều năm nay. Do quan hệ họ hàng nên ông có cho ông H mượn tiền tất cả 05 lần, từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 01/8/2019, ông cho mượn 150.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 02 tháng, lãi suất là 3%/tháng, lãi cuối kỳ. Tài sản thế chấp là QSDĐ số CP 618689 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông H ngày 01/2/2019. Vì là quan hệ họ hàng nên ông chỉ giữ bản sao sổ đất này.

- Lần 2: Ngày 03/9/2019, ông P cho ông H mượn 50.000.000 đồng. Ông H đã thanh toán lãi cho ông P được 4.500.000 đồng của khoản nợ lần 1.

- Lần 3: Ngày 12/11/2019 ông P cho ông H mượn 40.000.000 đồng. Sau đó ông H thanh toán cho ông P 12.000.000 đồng là tiền lãi 02 tháng của khoản nợ lần 1 và lần 2 (tổng khoản nợ là 200.000.000 đồng).

- Lần 4: Ngày 15/02/2020, ông P cho ông H mượn tiếp 60.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán là ngày 20/02/2020. Đến thời điểm này, tổng số tiền nợ gốc mà ông H mượn của ông P là 300.000.000 đồng. Ông H đã trả đủ tiền lãi của 240.000.000 đồng tiền nợ gốc đến tháng 02/2020.

- Lần 5: Ngày 15/4/2020, ông H mượn tiếp 150.000.000 đồng và có thể chấp 01 chiếc ô tô Toyota hiệu Zace biển số 61A - 66096, hạn thanh toán và thanh lý là ngày 15/5/2020.

Tính đến ngày 15/4/2020, ông H còn nợ ông P tổng cộng 450.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2020, ông H bán được nhà đất và dọn đến nơi ở mới, nhưng không thanh toán công nợ cho ông P như đã hứa và luôn né tránh ông P.

Ngày 02/6/2020, ông P gửi thông báo đòi nợ đến nơi ở mới của ông H, nhưng ông H chỉ tiếp nhận chứ không trả nợ cho ông P. Hiện chiếc ô tô Toyota hiệu Zace biển số 61A. 66096 của ông H thì ông P đang giữ.

Ông yêu cầu ông H thanh toán cho ông P 450.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi là 33.750.000 đồng, tổng cộng là 483.750.000 đồng. Đối với chiếc xe ô tô Toyota hiệu Zace biển số 61A. 66096 thì ông P sẽ trả lại cho ông H sau khi ông H trả đủ tiền nợ cho ông P.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Nguyên đơn xin tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện với bị đơn về yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 33.750.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng.

Nguyên đơn xác định trong quá trình cho bị đơn vay mượn tiền và ký các văn bản có liên quan, các bên đều tự nguyện ký kết và không có việc ép buộc lẫn nhau. Việc bị đơn cho rằng có bị nguyên đơn ép buộc viết xác nhận nợ vào ngày 15/02/2020 và bị ép buộc ký tên, lấn tay vào “Biên nhận” ngày 15/4/2020 là không đúng sự thật.

Việc bị đơn cho rằng không có nhận số tiền 60.000.000 đồng của nguyên đơn vào ngày 15/02/2020 là không đúng, vì trên thực tế tính đến ngày 15/02/2020 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng 240.000.000 đồng tiền nợ gốc. Vào cùng ngày 15/02/2020, bị đơn có mượn thêm 60.000.000 đồng và bị

đơn đã tự nguyện viết xác nhận có nợ nguyên đơn tổng cộng là 300.000.000 đồng.

Việc bị đơn giao chiếc ô tô của bị đơn cho nguyên đơn để làm tin vào ngày 15/4/2020 cũng là tự nguyện. Nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với xe ô tô hiệu Toyota biển số 61A – 66096 mà bị đơn giao cho nguyên đơn giữ để làm tin vào ngày 15/4/2020. Ông P sẽ tự thương lượng giải quyết với ông H sau.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Vào ngày 01/8/2019, do cần tiền để sửa nhà nên ông có tới gặp ông Nguyễn Văn P hỏi mượn số tiền 150.000.000 đồng, lúc này ông P đồng ý cho mượn với điều kiện lãi suất 10%/tháng, vì ông không có tài sản gì để thế chấp bảo đảm cho khoản vay. Do đang cần tiền nên ông đồng ý và ký vào giấy (Hợp đồng mượn tiền) để mượn số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên ông P nói mức lãi suất chỉ thỏa thuận bằng lời nói, chứ không ghi vào trong giấy mượn tiền.

Đến ngày 03/9/2019, do đang sửa nhà mà thiếu tiền nữa nên ông lại tiếp tục hỏi mượn ông P 50.000.000 đồng, ông P cũng đồng ý và thỏa thuận như cũ, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 10%/tháng. Ông đồng ý viết giấy nợ 50.000.000 đồng vào mặt sau của hợp đồng vay tiền ban đầu.

Đến ngày 12/11/2019, ông tiếp tục mượn của ông P số tiền 40.000.000 đồng và viết giấy nợ bên dưới nội dung giấy ghi nợ ngày 03/9/2019, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói cũng là 10%/tháng.

Tổng cộng số tiền ông nợ ông P là 240.000.000 đồng.

Về việc thanh toán tiền lãi: Điều đặn vào ngày 01 hàng tháng thì ông H phải đóng lãi cho ông P, cụ thể:

Vào ngày 01/9/2019, ông đã đóng cho ông P 15.000.000 đồng tiền lãi phát sinh;

Vào ngày 01/10/2019, ông đã đóng cho ông P 20.000.000 đồng tiền lãi phát sinh;

Vào ngày 01/11/2019, ông đã đóng cho ông P 20.000.000 đồng

Đến tháng 12 thì ông P tính tiền lãi là 24.000.000 đồng nhưng vào ngày 01/12/2019 ông H đã đóng cho ông P 21.000.000 tiền lãi phát sinh, còn nợ lại 3.000.000 đồng.

Sau đó, do hoàn cảnh khó khăn nên ông không có khả năng thanh toán tiền lãi cho ông P nữa. Đến ngày 15/02/2020, ông P đòi nợ nhưng ông chưa có, nên ông P yêu cầu ông viết giấy nợ bên dưới của những lần nợ trước với nội dung ghi nhận tôi nợ ông P 300.000.000 đồng, trong đó có 240.000.000 đồng tiền nợ gốc của 03 lần kể trên và 60.000.000 đồng tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2019 đến ngày 15/02/2020.

Đến ngày 15/4/2020, ông P gọi ông đến nhà ông P để nói về vấn đề trả nợ cho ông P. Lúc này ông đã sử dụng xe ô tô hiệu Toyota biển số 61A-660-96 đi

đến nhà ông P. Lúc này (khoảng 15 giờ ngày 15/4/2020) ông P cùng vợ con ra khóa cổng, đồng thời ép buộc ông giao xe ô tô và buộc ông ký vào biên nhận cầm cố xe để giao xe, giấy tờ xe cho ông P, trong giấy biên nhận còn ghi nhận thêm nội dung tôi nhận thêm của ông P 150.000.000 đồng. Thực tế, ông không nhận của ông P bất kỳ một khoản tiền nào ngoài số tiền ông nợ ở 03 lần kể trên. Thấy nội dung giấy “Biên nhận” này không đúng nên ông không ký. Tuy nhiên, lúc này ông P lớn tiếng quát mắng, chửi bới ông và nói không cho ông ra khỏi nhà của ông P nếu ông không ký vào biên nhận. Lúc này, ông nhận thấy ông P đang ép ông, nên ông đi ra công kêu lớn nhưng không ai nghe. Do lo sợ xảy ra việc không hay, nên ông đã ký vào biên nhận đó.

Việc ông H cho rằng đã trả 04 lần tiền lãi với tổng số tiền 76.000.000 đồng thì không lập văn bản giấy tờ.

Ông H cho rằng lãi suất cho vay là 10%/tháng được thỏa thuận bằng lời nói với nhau, không lập văn bản gì ghi nhận lãi suất.

Giữa ông H và ông P không có tồn tại quan hệ, giao dịch cầm cố tài sản

Ông chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền 300.000.000 đồng theo như giấy ghi nhận nợ đề ngày 15/02/2020. Số tiền 150.000.000 đồng còn lại thì ông không mượn, nên ông không đồng ý trả. Ông đang thực hiện thủ tục tố cáo hình sự tại Công an thị xã Bến Cát đối với hành vi cưỡng ép lấy xe và cưỡng ép ông ký giấy nhận tiền của ông P, nên ông không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Ông có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ông không có biên nhận hay giấy tờ gì ghi nhận việc tiếp nhận hồ sơ của ông từ Cơ quan điều tra.

Đối với tờ giấy A4, một mặt ghi hợp đồng mượn tiền đề ngày 01/8/2019, trong phần nội dung có cả phần đánh máy và phần viết tay, phía dưới có chữ ký, dấu lăn tay và họ tên bên mượn tiền là “Trần Văn H”; mặt sau có các nội dung ghi nhận vào các ngày 03/9/2019 và ngày 12/11/2019 ông mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng và 40.000.000 đồng; ngày 15/02/2020 ông H ghi nhận tổng khoản nợ là 300.000.000 đồng. Bên dưới mỗi nội dung này đều có chữ ký, dấu lăn tay và họ tên của ông H. Ông H xác định đúng chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết họ tên “Trần Văn H” ở bên dưới mỗi phần này đúng là của ông.

Tại “Biên nhận” đề ngày 15/4/2020 có chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết “Trần Văn H” là của ông H viết ra. Ông H cho rằng bị ông P ép ký, chứ thực tế ông H không có nhận tiền của ông P.

Với tư cách là bị đơn, ông H không có tài liệu gì để cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, ông H có văn bản đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông H.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ

đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông H vắng mặt và đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, nên đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 33.750.000 đồng mà nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu đối với bị đơn tại phiên tòa.

Có căn cứ xác định bị đơn ông Trần Văn H còn nợ nguyên đơn ông Nguyễn Văn P tổng cộng là 450.000.000 đồng tiền nợ gốc, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc này là có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Việc bị đơn cho rằng đối với số tiền 150.000.000 đồng bị đơn không có nhận vào ngày 15/4/2020 và bị ép buộc ký vào văn bản “Biên nhận” đề ngày 15/4/2020, nhưng bị đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận, nên không có căn cứ chấp nhận đối với lời trình bày này của bị đơn.

Bị đơn cho rằng vào ngày 15/02/2020, bị đơn không có nhận thêm số tiền 60.000.000 đồng của nguyên đơn và cho rằng số tiền 60.000.000 đồng này là tiền lãi, nên bị nguyên đơn ép buộc viết xác nhận tổng số tiền nợ là 300.000.000 đồng (gồm 240.000.000 đồng tiền nợ gốc và 60.000.000 đồng tiền lãi). Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận, nên không có căn cứ chấp nhận đối với lời trình bày này của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn H thanh toán số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn H có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương và chỗ ở hiện nay tại địa chỉ: Khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về sự có mặt của bị đơn ông Trần Văn H: Xét ông H đã có ý kiến trình bày tại Tòa án, và ông H cũng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đối với ông H, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H (theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[4] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P cho rằng: Bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, nhưng chưa thanh toán. Việc vay mượn có lập giấy vay và các bên có ký tên vào. Các giấy vay do nguyên đơn lập, giữ và cung cấp cho Tòa án. Nay do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 450.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Trần Văn H cho rằng: Bị đơn thừa nhận có nợ và chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 15/02/2020. Bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền 150.000.000 đồng cho nguyên đơn theo Giấy biên nhận ngày 15/4/2020. Bị đơn xác định khoản nợ 150.000.000 đồng là không có trên thực tế. Ông H trình bày ông đang tiến hành tố cáo ông P về hành vi cưỡng ép ông ký “Biên nhận” đề ngày 15/4/2020 tại Công an thị xã Bến Cát.

Xét nguyên đơn tại phiên tòa đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 33.750.000 đồng, nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Xét bị đơn ông Trần Văn H đã thừa nhận có nhận của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P tổng cộng 240.000.000 đồng, nhận làm 03 lần: Lần 1, ngày: 01/8/2019 (số tiền 150.000.000 đồng); lần 2: Ngày 03/9/2019 (50.000.000 đồng); Lần 3: Ngày 12/11/2019 (40.000.000 đồng). Do vậy, sự thừa nhận này của bị đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Bị đơn cho rằng không có nhận số tiền 60.000.000 đồng của nguyên đơn vào lần 4 (ngày 15/02/2020). Bị đơn xác định số tiền 60.000.000 đồng này là tiền lãi, phía nguyên đơn đã ép buộc bị đơn viết xác nhận tổng số tiền nợ là 300.000.000 đồng (gồm 240.000.000 đồng tiền nợ gốc và 60.000.000 đồng tiền lãi). Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận, nên không có căn cứ chấp nhận đối với lời trình bày này của phía bị đơn. HĐXX thấy rằng có đủ căn cứ xác định tính đến ngày 15/02/2020, phía bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng là 300.000.000 đồng tiền nợ gốc. Quá trình tố tụng, bị đơn cũng đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng theo xác nhận nợ ngày 15/02/2020, nên có căn cứ buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng này.

Xét đối với số tiền 150.000.000 đồng theo “Biên nhận” ngày 15/4/2020, HĐXX thấy rằng: Bị đơn ông Trần Văn H cho rằng có ký tên và lấn tay xác nhận cùng ngày 15/4/2020, nhưng bị đơn không có nhận số tiền 150.000.000 đồng này từ ông Nguyễn Văn P. Bị đơn ông H cho rằng đã bị nguyên đơn ông P ép buộc ký tên và lấn tay vào “Biên nhận” đề ngày 15/4/2020 này. Tuy nhiên, phía bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận đã có hành vi ép buộc bị đơn, nên không có căn cứ xác định có việc ông H bị ông P ép ký vào “Biên nhận” đề ngày 15/4/2020.

Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 12/8/2020, Công an thị xã Bến Cát cũng xác định là từ đầu năm 2020 cho đến nay (ngày 12/8/2020), Công an thị xã Bến Cát không tiếp nhận, xử lý bất kì thông tin đơn từ, hồ sơ khiếu nại, tố cáo

của ông Trần Văn H về hành vi của ông Nguyễn Văn P liên quan đến hành vi cưỡng ép giao xe ô tô hay cưỡng ép ký giấy nhận tiền. Do vậy, HĐXX có căn cứ xác định lời ông H trình bày tại Tòa án về việc đã có tố cáo hành vi của ông P tại Cơ quan Công an là không đúng sự thật.

Xét tại “Biên nhận” đề ngày 15/4/2020 có ghi nhận nội dung ông P giao cho ông H 150.000.000 đồng. Đến ngày 02/6/2020, ông P có gửi Thông báo về việc yêu cầu ông H thanh toán tổng số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận Thông báo. Ông H đã có ký tên nhận Thông báo này, nhưng không có ý kiến gì phản hồi.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có cơ sở xác định bị đơn ông H còn nợ nguyên đơn ông P tổng số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng. Đã quá thời hạn thanh toán nhưng phía bị đơn ông H không trả nợ cho nguyên đơn ông P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng vay, nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn ông H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông P số tiền nợ 450.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe ô tô Toyota hiệu Zace, biển số 61A - 66096 của ông Trần Văn H, hiện do ông Nguyễn Văn P đang giữ, xét thấy nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều: 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

I. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P với bị đơn ông Trần Văn H về việc tranh chấp số tiền lãi 33.750.000 đồng.

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn ông Trần Văn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn P số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương hoàn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn P số tiền 11.675.000 đồng theo Biên lai số 0047827 ngày 09 tháng 7 năm 2020.

- Bị đơn ông Trần Văn H phải nộp số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thắm

Đỗ Minh Tùng

Vũ Phước Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Phước Thành

